

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 14-7-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
tranh chấp về cấp dưỡng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Trường Hải;

Ông Phạm Văn Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 9, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 9, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn L và bà Lê Thị Hồng T chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông L và bà T có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn ông L giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L thay đổi ý kiến về việc nuôi con. Theo đó, ông L yêu cầu được nuôi con Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Trường hợp Tòa án giao con cho bà T nuôi dưỡng thì ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 đến năm 2021 với số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của bà T thì ông L không đồng ý.

*- Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng T thống nhất về thời gian chung sống, kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như ông Phạm Văn L trình bày. Ông Phạm Văn L yêu cầu ly hôn thì bà Lê Thị Hồng T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 đến năm 2021 với số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà T thay đổi ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Văn L và bị đơn bà Lê Thị Hồng T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Phạm Văn L và bà Lê Thị Hồng T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L và bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Ông L yêu cầu được nuôi con Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T1, cháu P thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Bà T là người nuôi dưỡng các cháu từ khi ly thân cho đến nay. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu đề nghị HĐXX giao 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1 và Phạm Thanh P cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bị đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo mức sống tại địa phương, theo thu nhập của các đương sự thì đề nghị HĐXX xem xét mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con.

Đối với yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 đến năm 2021 số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của bà T. Xét thấy, từ năm 2017 đến năm 2021 ông L và bà T vẫn là vợ chồng, việc chăm sóc con chung là trách nhiệm của ông L và bà T, chưa phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng, bị đơn bà Lê Thị Hồng T hiện cư trú tại thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Văn L và bị đơn bà Lê Thị Hồng T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Phạm Văn L và bà Lê Thị Hồng T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L và bà T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Ông L yêu cầu được nuôi con Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T1, cháu P thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Bà T là người nuôi dưỡng các cháu từ khi ly thân cho đến nay. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu HĐXX quyết định giao 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012 cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bị đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, theo mức sống tại địa phương, theo thu nhập của các đương sự thì xem xét mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con là phù hợp. Do đó, buộc ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 đến năm 2021 số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của bà T. HĐXX xét thấy, từ năm 2017 đến năm 2021 ông L và bà T vẫn là vợ chồng, việc chăm sóc con chung là trách nhiệm của ông L và bà T, chưa phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn L và bà Lê Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Hồng T1, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Thanh P, sinh ngày 22/12/2012 cho bà T nuôi dưỡng. Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ năm 2017 đến năm 2021 với số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của bà Lê Thị Hồng T.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043835 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Ông Phạm Văn L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND thị trấn PV  
(Số 77, ngày 18/7/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Mạnh**